

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 30/2024/DS-ST

Ngày: 28 - 3 - 2024

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
góp hụi"*

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: **Huỳnh Văn Hồng**.

2. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia
phiên tòa.**

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 406/2023/TLST – DS ngày 06 tháng
11 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 36/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân
dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị B** – sinh năm: 1955 (vắng).

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Ngô Thị B** là bà **Phạm Nguyễn
Tuồng V**, sinh năm: 1992 (theo văn bản ủy quyền ngày 10/10/2023) (có mặt).

Địa chỉ: T, D, phường E, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà **Ngô Thị B** là Luật sư **Tô
Vĩnh H**, Công ty Luật Y, đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà **Võ Thị T** – sinh năm: 1957 (có mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 29/9/2023, trong quá trình tham gia tố tụng và
tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị
B là bà Phạm Nguyễn Tuồng V trình bày:

Bà B có tham gia hụi của bà T, bà B là hụi Vên còn bà T là đầu thảo hụi
gồm các dây hụi:

- Dây 1: Hụi mở ngày 02/7(âl)2022 nhằm ngày 30/7(dl)/2022 mãn hụi
ngày 07/6(âl)/2024 nhằm ngày 12/7(dl)/2024, loại hụi tiền 5.000.000đ, một

tháng khai hội một lần, có 25 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khai hội. Bà B góp được 12 lần hội sống với số tiền vốn 39.300.000đ, đến lần thứ 13 thì bà T ngưng khai hội. Nay bà B yêu cầu bà T trả tiền hội vốn là 39.300.000đ và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 8.919.180đ. Tổng cộng vốn và lãi là 48.219.180đ.

- Dây 2: Hội mở ngày 06/10(âl)2021 nhằm ngày 10/11(dl)/2021 mãn hội ngày 06/6(âl)/2023 nhằm ngày 23/7(dl)/2023, loại hội tiền 5.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 22 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khai hội. Bà B góp được 20 lần hội sống. Đến lần thứ 21 thì bà B hết hội được số tiền là 97.500.000đ (đã trừ tiền huê hồng cho đầu thảo), bà T đã giao cho bà B được 40.000.000đ còn lại 57.500.000đ.

- Dây 3: Hội mở ngày 08/10(âl)2022 nhằm ngày 01/11(dl)/2022 mãn hội ngày 13/10(âl)/2024 nhằm ngày 13/11(dl)/2024, loại hội tiền 2.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 26 phần, bà B tham gia hai phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 1.000.000đ/lần khai hội. Bà B góp được 09 lần hội sống với số tiền vốn 02 phần là 24.660.000đ, đến lần thứ 10 thì bà T ngưng khai hội. Nay bà B yêu cầu bà T trả tiền hội vốn là 24.660.000đ và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 4.951.488đ. Tổng cộng vốn và lãi là 29.611.488đ.

- Dây 4: Hội mở ngày 10/10(âl)2022 nhằm ngày 03/11(dl)/2022 mãn hội ngày 15/9(âl)/2024 nhằm ngày 17/10(dl)/2024, loại hội tiền 5.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 25 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khai hội. Bà B góp được 09 lần hội sống với số tiền vốn 28.900.000đ, đến lần thứ 10 thì bà T ngưng khai hội. Nay bà B yêu cầu bà T trả tiền hội vốn là 28.900.000đ và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 15/01/2024 là 4.883.720đ. Tổng cộng vốn và lãi là 33.783.720đ.

- Dây 5: Hội mở ngày 12/11(âl)2021 nhằm ngày 15/12(dl)/2021 mãn hội ngày 17/8(âl)/2023 nhằm ngày 01/10(dl)/2023, loại hội tiền 5.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 23 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khai hội. Bà B góp được 19 lần hội sống với số tiền vốn 67.400.000đ, đến lần thứ 20 thì bà T ngưng khai hội. Nay bà B yêu cầu bà T trả tiền hội chết là 95.000.000đ, trừ tiền huê hồng 2.500.000đ bà B yêu cầu bà T trả 92.500.000đ.

- Dây 6: Hội mở ngày 15/8(âl)2022 nhằm ngày 10/9(dl)/2022 mãn hội ngày 22/7(âl)/2024 nhằm ngày 25/8(dl)/2024, loại hội tiền 5.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 25 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khai hội. Bà B góp được 11 lần hội sống với số tiền vốn 36.100.000đ, đến lần thứ 12 thì bà T ngưng khai hội. Nay bà B yêu cầu bà T trả tiền hội vốn là 36.100.000đ và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 6.061.490đ. Tổng cộng vốn và lãi là 42.161.490đ.

- Dây 7: Hội mở ngày 16/02(âl)2022 nhằm ngày 18/3(dl)/2022 mãn hội ngày 24/2(âl)/2024 nhằm ngày 02/4(dl)/2024, loại hội tiền 2.000.000đ, một

tháng khai hội một lần, có 26 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 1.000.000đ/lần khai hội. Bà B góp được 16 lần hội sống với số tiền vốn 22.780.000đ, đến lần thứ 17 thì bà T ngưng khai hội. Nay bà B yêu cầu bà T trả tiền hội vốn là 22.780.000đ và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 5.938.861đ. Tổng cộng vốn và lãi là 28.718.816đ.

- Dây 8: Hội mở ngày 20/11(âl)2022 nhằm ngày 13/12(dl)/2022 mãn hội ngày 27/10(âl)/2024 nhằm ngày 27/11(dl)/2024, loại hội tiền 2.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 25 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 1.000.000đ/lần khai hội. Bà B góp được 07 lần hội sống với số tiền vốn 8.950.000đ, đến lần thứ 08 thì bà T ngưng khai hội. Nay bà B yêu cầu bà T trả tiền hội vốn là 8.950.000đ và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 1.650.870đ. Tổng cộng vốn và lãi là 10.600.870đ.

- Dây 9: Hội mở ngày 24/01(âl)2022 nhằm ngày 24/02(dl)/2022 mãn hội ngày 29/7(âl)/2023 nhằm ngày 13/9(dl)/2023, loại hội tiền 5.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 20 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khai hội. Bà B đóng được 17 lần hội sống với số tiền vốn 60.650.000đ, đến lần thứ 18 thì bà T ngưng khai hội. Nay bà B yêu cầu bà T trả tiền hội chết là 85.000.000đ trừ huê hồng 2.500.000đ còn lại 82.500.000đ.

- Dây 10: Hội mở ngày 19/5(âl)2021 nhằm ngày 28/6(dl)/2021 mãn hội ngày 19/5(âl)/2023 nhằm ngày 06/7(dl)/2023, loại hội tiền 5.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 25 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khai hội. Bà B hốt chót được số tiền là 117.500.000đ (đã trừ tiền huê hồng xong), bà T đã giao tiền cho bà B được 80.000.000đ còn nợ lại 37.500.000đ.

Nay bà B yêu cầu bà T phải trả cho bà B số tiền hội vốn và lãi của 10 dây hội với số tiền là 463.095.564đ.

*** Tại bảng tường trình ngày 10/01/2024, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Võ Thị T trình bày:** Bà là đầu thảo hội còn bà B là hội Viên, bà B có tham gia của bà 10 dây hội cụ thể:

- Dây 1: Hội mở ngày 02/7(âl)2022 nhằm ngày 30/7(dl)/2022 mãn hội ngày 07/6(âl)/2024 nhằm ngày 12/7(dl)/2024, loại hội tiền 5.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 25 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khai hội. Bà B góp được 12 lần hội sống với số tiền vốn 39.300.000đ, đến lần thứ 13 thì bà ngưng khai hội. Nay bà B yêu cầu bà trả tiền hội vốn là 39.300.000đ và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 8.919.180đ. Tổng cộng vốn và lãi là 48.219.180đ thì bà không đồng ý mà bà chỉ đồng ý trả tiền vốn là 39.300.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày bà B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

- Dây 2: Hội mở ngày 06/10(âl)2021 nhằm ngày 10/11(dl)/2021 mãn hội ngày 06/6(âl)/2023 nhằm ngày 23/7(dl)/2023, loại hội tiền 5.000.000đ, một tháng khai hội một lần, có 22 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khai hội. Bà B góp được 20 lần hội sống đến lần thứ 21 thì bà B hốt được số tiền 97.500.000đ (đã trừ tiền huê hồng cho đầu thảo) bà

T đã giao cho bà B số tiền 40.000.000đ bà còn nợ lại 57.500.000đ bà đồng ý trả cho bà B.

- Dây 3: Hụi mở ngày 08/10(âl)2022 nhằm ngày 01/11(dl)/2022 mần hụi ngày 13/10(âl)/2024 nhằm ngày 13/11(dl)/2024, loại hụi tiền 2.000.000đ, một tháng khui hụi một lần, có 26 phần, bà B tham gia hai phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 1.000.000đ/lần khui hụi. Bà B góp được 09 lần hụi sống với số tiền vốn 02 phần là 24.660.000đ, đến lần thứ 10 thì bà ngưng khui hụi. Nay bà B yêu cầu bà trả tiền hụi vốn là 24.660.000đ và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là .4.951.488đ. Tổng cộng vốn và lãi là 29.611.488đ thì bà không đồng ý mà bà chỉ đồng ý trả tiền vốn là 24.660.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày bà B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

- Dây 4: Hụi mở ngày 10/10(âl)2022 nhằm ngày 03/11(dl)/2022 mần hụi ngày 15/9(âl)/2024 nhằm ngày 17/10(dl)/2024, loại hụi tiền 5.000.000đ, một tháng khui hụi một lần, có 25 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khui hụi. Bà B góp được 09 lần hụi sống với số tiền vốn 28.900.000đ, đến lần thứ 10 thì bà ngưng khui hụi. Nay bà B yêu cầu bà trả tiền hụi vốn là 28.900.000đ và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 4.883.720đ. Tổng cộng vốn và lãi là 33.783.720đ thì bà không đồng ý mà bà chỉ đồng ý trả tiền vốn là 28.900.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày bà B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

- Dây 5: Hụi mở ngày 12/11(âl)2021 nhằm ngày 15/12(dl)/2021 mần hụi ngày 17/8(âl)/2023 nhằm ngày 01/10(dl)/2023, loại hụi tiền 5.000.000đ, một tháng khui hụi một lần, có 23 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khui hụi. Bà B góp được 19 lần hụi sống với số tiền vốn là 67.400.000đ, đến lần thứ 20 thì bà ngưng khui hụi. Bà đồng ý trả cho bà B tiền hụi chết là 95.000.000đ, trừ 2.500.000đ tiền huê hồng đầu thảo nên còn lại số tiền 92.500.000đ.

- Dây 6: Hụi mở ngày 15/8(âl)2022 nhằm ngày 10/9(dl)/2022 mần hụi ngày 22/7(âl)/2024 nhằm ngày 25/8(dl)/2024, loại hụi tiền 5.000.000đ, một tháng khui hụi một lần, có 25 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khui hụi. Bà B góp được 11 lần hụi sống với số tiền vốn 36.100.000đ, đến lần thứ 12 thì bà ngưng khui hụi. Nay bà B yêu cầu bà trả tiền hụi vốn là 36.100.000đ và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 6.061.490đ. Tổng cộng vốn và lãi là 42.161.490đ thì bà không đồng ý mà bà chỉ đồng ý trả tiền vốn là 36.100.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày bà B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

- Dây 7: Hụi mở ngày 16/02(âl)2022 nhằm ngày 18/3(dl)/2022 mần hụi ngày 24/2(âl)/2024 nhằm ngày 02/4(dl)/2024, loại hụi tiền 2.000.000đ, một tháng khui hụi một lần, có 26 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 1.000.000đ/lần khui hụi. Bà B góp được 16 lần hụi sống với số tiền vốn là 22.780.000đ, đến lần thứ 17 thì bà ngưng khui hụi. Nay bà B yêu cầu bà trả tiền hụi vốn là 22.780.000đ và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 5.938.816đ. Tổng cộng vốn và lãi

là 28.718.861đ thì bà không đồng ý mà bà chỉ đồng ý trả tiền vốn là 22.780.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày bà B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

- Dây 8: Hui mở ngày 20/11(âl)2022 nhằm ngày 13/12(dl)/2022 mần hui ngày 27/10(âl)/2024 nhằm ngày 27/11(dl)/2024, loại hui tiền 2.000.000đ, một tháng khui hui một lần, có 25 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 1.000.000đ/lần khui hui. Bà B góp được 07 lần hui sống với số tiền vốn 8.950.000đ, đến lần thứ 08 thì bà ngưng khui hui. Nay bà B yêu cầu bà trả tiền hui vốn là 8.950.000đ và tiền lãi theo lãi suất là 1,66%/tháng theo từng tháng mà bà B đã đóng đến ngày 28/3/2024 là 1.650.870đ. Tổng cộng vốn và lãi là 10.600.870đ thì bà không đồng ý mà bà chỉ đồng ý trả tiền vốn là 8.950.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày bà B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

- Dây 9: Hui mở ngày 24/01(âl)2022 nhằm ngày 24/02(dl)/2022 mần hui ngày 29/7(âl)/2023 nhằm ngày 13/9(dl)/2023, loại hui tiền 5.000.000đ, một tháng khui hui một lần, có 20 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khui hui. Bà B góp được 17 lần hui sống với số tiền vốn là 60.650.000đ, đến lần thứ 18 thì bà ngưng khui hui. Bà đồng ý trả cho bà B số tiền hui chết là 85.000.000đ trừ 2.500.000đ tiền huê hồng nên còn lại 82.500.000đ.

- Dây 10: Hui mở ngày 19/5(âl)2021 nhằm ngày 28/6(dl)/2021 mần hui ngày 19/5(âl)/2023 nhằm ngày 06/7(dl)/2023, loại hui tiền 5.000.000đ, một tháng khui hui một lần, có 25 phần, bà B tham gia một phần. Tiền huê hồng cho đầu thảo là 2.500.000đ/lần khui hui. Bà B hốt chót được số tiền là 117.500.000đ (đã trừ tiền huê hồng xong), bà đã giao tiền cho bà B được 80.000.000đ còn nợ lại 37.500.000đ thì bà đồng ý trả cho bà B số tiền còn nợ là 37.500.000đ.

Nay bà B yêu cầu bà trả số tiền hui vốn và lãi của 10 dây hui tổng cộng số tiền là 463.095.564đ thì bà không đồng ý.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ngô Thị B là Luật sư Tô Vĩnh H có ý kiến:** tại phiên tòa hôm nay bà B và bà T đã thống nhất số tiền vốn, chỉ tranh chấp tiền lãi, bà B yêu cầu tính lãi trên số vốn theo mức lãi suất là 20%/năm là phù hợp với Điều 21 Nghị định 19 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn bà B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng góp hui giữa bà B và bị đơn bà T. Bà T có nơi cư trú tại ấp Hiếu Xuân Tây, xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng góp hui giữa bà B và bà T được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Bà V trình bày bà B là hội viên còn bà T là đầu thảo hội, bà B có tham gia 10 dây hội của bà T. Nay bà B yêu cầu bà T phải trả cho bà B số tiền nợ hội vốn và lãi của 10 dây hội tổng cộng là 463.095.564đ. Bà T không đồng ý theo yêu cầu của bà B.

Xét đối với dây 1 hội mở ngày 30/7(dl)/2022, loại hội tiền 5.000.000đ, có 25 phần theo bà V trình bày bà B đã góp hội cho bà T được 12 lần hội sống với số tiền vốn là 39.300.000đ, đến lần thứ 13 thì bà T ngưng khai hội do đó bà T là người V phạm nghĩa vụ khai hội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 thì Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà B. Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà B số tiền nợ hội với số tiền vốn là 39.300.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 4.792.110đ. Tổng cộng là 44.092.110đ.

Dây 2: Hội mở ngày 10/11(dl)/2021, loại hội tiền 5.000.000đ, có 22 phần. Bà B góp được 20 lần hội sống. Đến lần thứ 21 thì bà B hốt hội được số tiền là 97.500.000đ (đã trừ tiền huê hồng cho đầu thảo), bà T đã giao cho bà B được 40.000.000đ còn nợ lại 57.500.000đ bà T đồng ý trả cho bà B nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Dây 3: Hội mở ngày 01/11(dl)/2022, loại hội tiền 2.000.000đ, có 26 phần, bà B góp được 09 lần hội sống với số tiền vốn 02 phần là 24.660.000đ. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà B. Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà B số tiền nợ hội với số tiền vốn là 24.660.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 2.652.395đ. Tổng cộng là 27.312.395đ.

Dây 4: Hội mở ngày 03/11(dl)/2022, loại hội tiền 5.000.000đ, có 25 phần, bà B góp được 09 lần hội sống với số tiền vốn 28.900.000đ. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà B. Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà B số tiền nợ hội với số tiền vốn là 28.900.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 3.112.329đ. Tổng cộng là 32.012.329đ.

Dây 5: Hội mở ngày 15/12(dl)/2021, loại hội tiền 5.000.000đ, có 23 phần, bà B góp được 19 lần hội sống với số tiền vốn 67.400.000đ. Bà T đồng ý trả cho bà B số tiền hội chết là 95.000.000đ, trừ 2.500.000đ tiền huê hồng đầu thảo còn lại 92.500.000đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Dây 6: Hội mở ngày 10/9(dl)/2022, loại hội tiền 5.000.000đ, có 25 phần, bà B góp được 11 lần hội sống với số tiền vốn 36.100.000đ. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà B. Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà B số tiền nợ hội với số tiền vốn là 36.100.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 4.091.274đ. Tổng cộng là 40.191.274đ.

Dây 7: Hội mở ngày 18/3(dl)/2022, loại hội tiền 2.000.000đ, có 26 phần, bà B góp được 16 lần hội sống với số tiền vốn 22.780.000đ. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà B. Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà B số tiền nợ hội với số tiền vốn là 22.780.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 2.929.742đ. Tổng cộng là 25.709.742đ.

Dây 8: Hui mở ngày 13/12(dl)/2022, loại hui tiền 2.000.000đ, có 25 phần, bà B góp được 07 lần hui sống với số tiền vốn 8.950.000đ. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà B. Buộc bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà B số tiền nợ hui với số tiền vốn là 8.950.000đ và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm theo từng tháng mà bà B đã góp đến ngày 28/3/2024 là 929.321đ. Tổng cộng là 9.879.321đ.

Dây 9: Hui mở ngày 24/02(dl)/2022, loại hui tiền 5.000.000đ, có 20 phần, bà B góp được 17 lần hui sống với số tiền vốn 60.650.000đ. Bà T đồng ý trả cho bà B số tiền hui chết là 85.000.000đ, trừ 2.500.000đ tiền huê hồng cho đầu thảo còn lại 82.500.000đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Dây 10: Hui mở ngày 28/6(dl)/2021, loại hui tiền 5.000.000đ, có 25 phần. Bà B hốt chót được số tiền là 117.500.000đ (đã trừ tiền huê hồng xong), bà T đã giao tiền cho bà B được 80.000.000đ còn nợ lại 37.500.000đ, bà T thống nhất thừa nhận còn nợ bà B số tiền 37.500.000đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tổng cộng 10 dây hui buộc bà T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà B số tiền nợ hui với số tiền vốn là 430.690.000đ và tiền lãi là 18.507.171đ. Tổng cộng vốn và lãi là 449.197.171đ.

Xét ý kiến của vị Luật sư yêu cầu bà T trả cho bà B số tiền hui vốn và lãi là 463.095.564đ là có cơ sở để chấp nhận một phần.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T và bà B được miễn án phí do bà T và bà B là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị B do bà Phạm Nguyễn Tường V đại diện theo ủy quyền.

Buộc bà Võ Thị T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Thị B số tiền hui vốn là 430.690.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 18.507.171đ (Mười tám triệu năm trăm lẻ bảy nghìn một trăm bảy mươi một đồng). Tổng cộng tiền hui vốn và tiền lãi hui là 449.197.171đ (Bốn trăm bốn mươi chín triệu một trăm chín mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi một đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải Bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị T được miễn án phí do bà Võ Thị T là người cao tuổi.

Bà Ngô Thị B được miễn án phí do bà Ngô Thị B là người cao tuổi

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh